

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 538/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-05-2024.
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Ngọc.
- Bà Nguyễn Phước Trinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:**
Không có.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1456/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn số: 166/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mét D, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Hẻm C đường A, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường A, tổ F, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Mét D trình bày:

Bà và ông Trần Thanh P kết hôn vào ngày 23/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP . và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 246/2016 ngày 23/12/2016. Bà và ông P sống chung được 8 năm, nay không còn hợp nhau nữa, vì bất đồng quan điểm, cách sống, tiền bạc, thường xuyên cãi nhau, ăn chơi, ngoại tình. Nay bà khởi kiện tại yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh P.

Về con chung: có 02 (hai) con tên Trần Thanh T, sinh ngày 19/07/2017 và Trần Thanh P1, sinh ngày: 19/03/2020. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D tự nguyện chịu.

* Bị đơn ông Trần Thanh P vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Mét D và ông Trần Thanh P là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Thanh P cư trú tại Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P2 theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Mét D và ông Trần Thanh P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 246/2016 ngày 23/12/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà D nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông P bất đồng quan điểm, cách sống, tiền bạc, thường xuyên cãi nhau, ăn chơi, ngoại tình, nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà D nên Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông P đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[4] Về con chung có 02 (hai) con tên: Trần Thanh T, sinh ngày 19/07/2017 và Trần Thanh P1, sinh ngày: 19/03/2020. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy bà D đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với trẻ T và P1. Ông P đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ T và P1, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ T và P3 cho bà D1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà D chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Mét D là được ly hôn với ông Trần Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 246/2016 ngày 23/12/2016 UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Mét D và ông Trần Thanh P không còn giá trị pháp lý từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung có 02 (hai) con tên: Trần Thanh T, sinh ngày 19/07/2017 và Trần Thanh P1, sinh ngày: 19/03/2020. Giao 02 (hai) con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà D xác định không có.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Mét D chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2023/0018889 ngày 15/12/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc